

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LAI CHÂU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2022/HS-ST

Ngày: 22/12/2022

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà;

Các hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Hữu Tiên; Ông Phan Tuấn Anh;

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Huế - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu tham gia phiên tòa: Ông Lưu Xuân Trường- Kiểm sát viên Trung cấp.

Trong ngày 22/12/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số:12/2022/HSST ngày 04 tháng 11 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2022/QĐ-TA/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 12 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Giàng Thị S; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nữ; Sinh ngày 01 tháng 01 năm 1990 tại: huyện T - Lai Châu; Nơi cư trú: Bản N, xã P, huyện T, tỉnh Lai Châu; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mông; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Nghề nghiệp: Làm ruộng; CCCD: 012190000786; Con ông: Giàng A D, sinh năm 1967 và con bà: Vàng Thị C, sinh năm 1968; Gia đình bị cáo có 07 anh, chị, em ruột, bị cáo là con thứ 05 trong gia đình; Có chồng là Vừ A C, sinh năm 1994 và có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2012, con nhỏ nhất sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam tại ngày 16/6/2022, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lai Châu. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Nguyễn Trung H; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 26 tháng 12 năm 1971 tại: huyện T - Lai Châu; Nơi cư trú: thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 7/10; Nghề nghiệp: Tự do; CCCD: 012071000634; Con ông: Nguyễn Trung T (Đã chết) và con bà: Đào Thị T (Đã chết); Gia đình bị cáo 07 anh, chị, em, bị cáo là con thứ 07 trong gia đình; Có vợ là Nguyễn Thị P, sinh năm: 1984 (Đã ly hôn) và có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2003, con nhỏ nhất sinh năm 2007; Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: ngày 02/7/2013, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu xử phạt 12 tháng tù về tội mua bán trái phép chất ma túy, ngày 19/3/2014 bị cáo chấp hành xong hình phạt (xóa án tích);

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 15/6/2022, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lai Châu. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: Giàng A P; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 01 tháng 01 năm 1984, tại: huyện T - Lai Châu; Nơi cư trú: Bản S, xã P, huyện T, tỉnh Lai Châu; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mông; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 5/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng; CCCD: 012084000668; Con ông: Giàng A S, sinh năm 1949 và con bà: Vàng Thị T (Đã chết); Gia đình bị cáo có 08 anh, chị em, bị cáo là con thứ 03 trong gia đình; Bị cáo có vợ: Giàng Thị D (Đã ly hôn) và chưa có con; Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 19/10/2011, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Than Uyên xử phạt 28 tháng tù về tội tàng trữ trái phép chất ma túy, đã chấp hành xong hình phạt ngày 15/9/2013 (xóa án tích).

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 16/6/2022, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lai Châu. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: Vì Văn S1; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh năm 1984 tại: huyện T - Lai Châu; Nơi cư trú: Bản P, xã T, huyện T, tỉnh Lai Châu; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 3/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng; CCCD: 012084003152; Con ông: Vì Văn E, sinh năm 1962 và con bà: Hà Thị L, sinh năm 1963; Gia đình bị cáo có 05 anh, chị, em, bị cáo là con thứ 04 trong gia đình; Bị cáo có vợ: Vì Thị X, sinh năm: 1990 và có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2009, con nhỏ nhất sinh năm 2014;

Tiền sự: Không; Tiền án: 01 tiền án; Tại bản án số 32/2020/HS-ST ngày 24/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, Điều 54, điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt 06 tháng tù về tội tàng trữ trái phép chất ma túy.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 15/6/2022, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lai Châu. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho các bị cáo:* Bà Nguyễn Thị Nga, Trợ giúp viên pháp lý - Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lai Châu (có mặt).

Người phiên dịch cho các bị cáo: Ông Giàng A H; Địa chỉ: phường Đ, thành phố L, tỉnh Lai Châu.

- *Người làm chứng:* Anh Lù Văn H, sinh năm 1983 (vắng mặt); Địa chỉ: xã S, huyện T, tỉnh Lai Châu.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau.

Khoảng đầu tháng 6/2022, Nguyễn Trung H một mình lên bãi vàng P gần bản N, xã P, huyện T, tỉnh Lai Châu để tìm mua ma túy về bán. Tại đây, H gặp Giàng A P trú tại bản S, xã P, huyện T, tỉnh Lai Châu. Qua nói chuyện, H nhờ P mua cho H 03 chỉ thuốc phiện và 01 cây Heroine. P đồng ý, cả hai trao đổi số điện thoại để liên lạc. P lưu số điện thoại “0946605155” của H trong danh bạ điện thoại là “Tân Uien 155”. Sau đó, P chỉ nhà Giàng Thị C (SN: 1985, chị gái của P) trú tại bản N, xã P, huyện T, tỉnh Lai Châu cho H và bảo H khi nào mua ma túy thì đi lên nhà Giàng Thị C gặp P.

Trưa, ngày 13/6/2022, H dùng số điện thoại “0946605155” của H gọi vào số điện thoại “0839779066” của P hỏi mua Heroine và Thuốc phiện. P báo giá 01 cây Heroine là 29.000.000 đồng và hẹn gặp tại nhà C để giao dịch mua bán (*quá trình điều tra P chỉ thừa nhận bán cho H 01 cây Heroine*). Tại nhà C, H đưa cho P 29.000.000 đồng tiền mua ma túy và cho thêm 200.000 đồng tiền công (*việc trao đổi mua bán Heroine giữa H và P thì gia đình C không ai biết*). Nhận tiền, P đi bộ sang nhà em họ là Giàng Thị S ở cùng bản N để mua Heroine. Đến nhà S, P gặp S đang đứng ở khu vực chuồng trâu, trước cửa nhà. Tại đây, P hỏi mua 01 cây Heroine. Do trước đó khoảng 02 tuần, S mua được 02 gói Heroine với giá 10.000.000 đồng của một người đàn ông dân tộc Dao không quen biết, S đang cất giấu ở trong bếp nên S đồng ý bán, S báo 01 cây Heroine giá 28.000.000 đồng. P đồng ý và đưa 28.000.000 đồng cho S. S cầm tiền rồi đi ra phía sau nhà vào trong bếp lấy gói Heroine 1,5 cây giấu trong chiếc giày sau bình ga. Khoảng 20 phút sau S quay lại đưa cho P gói Heroine. P cầm gói Heroine và đi về nhà C đưa gói Heroine vừa mua được cho H. H mang Heroine về nhà cất giấu và chia nhỏ ra để bán lẻ.

Khoảng 14 giờ, ngày 15/6/2022, khi H đang ở nhà thì Lù Văn H sinh năm 1983, trú tại xã S, huyện T, tỉnh Lai Châu đến mua 01 gói Heroine với giá 200.000 đồng, mua xong H tự ý sử dụng Heroine bằng hình thức hít tại nhà H. Khi bán Heroine cho H xong thì có Vi Văn S1 đến hỏi mua Heroine của H, do đang cần chia ma túy để bán nên H báo S1 chia Heroine thành gói nhỏ 100.000 đồng cho H bán, H sẽ trả công 01 gói Heroine khi chia xong. H đưa gói Heroine được gói bằng nilon màu trắng to bằng ngón tay cái cho S1 và lên giường ngủ. Vi Văn S1 cầm gói Heroine H đưa, ngồi xuống nền gạch gần cửa buồng ngủ nhà H, sử dụng dao lam, túi nilon, bật lửa bật được ở gần đó chia nhỏ cục Heroine thành nhiều cục nhỏ gói đốt tẩm lại. Trong quá trình chia Heroine, S1 đã tự ý lấy ra một ít Heroine để sử dụng bằng hình thức hít tại nhà H (*H không biết việc S1 sử dụng Heroine tại nhà H*). Khi S1 chia được 63 gói Heroine thì bị Công an tỉnh Lai Châu phát hiện, bắt quả tang, thu giữ vật chứng gồm: 63 gói Heroine do S1 đang chia nhỏ cho H, số Heroine này có tổng khối lượng 4,11 gam; thu được của H 96 gói Heroine và 03 gói Thuốc phiện do khám xét và H tự giao nộp. 96 gói Heroine có tổng khối lượng 38,48 gam và 03 gói Thuốc phiện có khối lượng 47,14 gam. Nguyễn Trung H khai nhận toàn bộ số Heroine và Thuốc phiện bị thu giữ tại nhà H là của H mua của Giàng A P nhằm mục đích bán lẻ.

Từ lời khai của Nguyễn Trung H Cơ quan điều tra tiến hành xác minh, khám xét khẩn cấp chỗ ở của Giàng A P, Giàng A S. Quá trình khám xét, thu

giữ được của Giàng A S 01 gói chất bột màu trắng nghi Heroine được gói ngoài bằng nilon màu hồng có khối lượng 39,54 gam, S giấu trong chiếc giày bên trái màu hồng trắng ở sau bình ga trong bếp. S khai nhận là Heroine sau khi bán cho P 01 gói giá 28.000.000 đồng còn lại, mục đích để trả công cho thầy cúng khi gia đình làm lý.

Số chất bột, màu trắng thu giữ Vì Văn S1 gồm 63 gói, Cơ quan điều tra đã tiến hành trưng cầu giám định ký hiệu là Mẫu 1, tại Kết luận giám định số: 553, 554/KL-KTHS, ngày 16 và 17/6/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lai Châu, kết luận: số chất bột, màu trắng gửi giám định có khối lượng 4,11 gam (*Bốn phẩy mười một gam*) đã trích 1,66 gam làm mẫu vật gửi giám định “*Mẫu chất bột, màu trắng (ký hiệu Mẫu 1) gửi giám định là ma túy, loại: Heroine*” (không hoàn lại mẫu vật gửi giám định).

Số chất bột, màu trắng thu giữ do Nguyễn Trung H giao nộp gồm 96 được gói trong 04 gói nilon và 03 gói chất nhựa dẻo, màu nâu, Cơ quan điều tra đã tiến hành trưng cầu giám định, ký hiệu từ gói 1 đến gói 4; 03 gói chất nhựa dẻo, màu nâu đen ký hiệu gói 5 đến gói 7, tại Kết luận giám định số: 555, 556/KL-KTHS, ngày 17 và 20/6/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lai Châu, kết luận: *Số chất bột màu trắng gửi giám định có khối lượng 38,48 gam (Ba mươi tám phẩy bốn mươi tám gam)*, trích từ gói 1 đến gói 4 tổng là 6,08gam, ký hiệu Mẫu 1 đến Mẫu 4; Số nhựa dẻo màu nâu gửi giám định có tổng khối lượng là: 47,14g (*Bốn mươi bảy phẩy mười bốn gam*), trích tổng 28,02 gam ký hiệu Mẫu 5 đến Mẫu 7; 04 (*bốn*) *Mẫu chất bột, màu trắng (ký hiệu từ Mẫu 1 đến Mẫu 4) gửi giám định là ma túy; loại Heroine* (không hoàn lại mẫu vật gửi giám định); 03 (*ba*) *Mẫu chất dẻo, màu nâu đen, có mùi hắc (Ký hiệu từ Mẫu 5 đến Mẫu 7) gửi giám định là ma túy; loại: Thuốc phiện* (không hoàn lại mẫu vật gửi giám định).

Số chất bột màu trắng thu giữ của Giàng Thị S, cơ quan điều tra đã tiến hành trưng cầu giám định, tại Kết luận giám định số 566, 567/GĐ-KTHS, ngày 16 và 20/6/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lai Châu, kết luận: số chất bột, màu trắng gửi giám định có khối lượng 39,54 gam (*Ba mươi chín phẩy năm mươi tư gam*), đã trích 1,79 gam gửi giám định; Mẫu chất bột, màu trắng gửi giám định là ma túy, loại: Heroine (không hoàn lại mẫu vật gửi giám định).

Tại bản Cáo trạng số: 72/CT-VKSLC-P1, ngày 03/11/2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu đã truy tố các bị cáo Giàng Thị S, Giàng A P về tội Mua bán trái phép chất ma túy theo điểm b khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự; Nguyễn Trung H về tội Mua bán trái phép chất ma túy theo điểm h khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự, Vì Văn S1 về tội Mua bán trái phép chất ma túy theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu thực hành quyền công tố, tại phiên tòa, sau khi luận tội, phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội của

các bị cáo, đã giữ nguyên quan điểm như cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố các bị cáo Giàng Thị S, Giàng A P, Nguyễn Trung H phạm tội: Mua bán trái phép chất ma túy.

- Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự:

- + Xử phạt bị cáo Giàng Thị S 17 đến 18 năm tù;

- + Xử phạt bị cáo Giàng A P 15 năm 06 tháng đến 16 năm tù.

- Áp dụng điểm h khoản 3 Điều 251; điểm t, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Trung H 15 năm 06 tháng đến 16 năm tù;

- Áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Vì Văn S1 05 năm 06 tháng đến 06 năm 06 tháng tù;

- Áp dụng khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo Giàng Thị S, Nguyễn Trung H, Giàng A P, Vì Văn S1

- Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

- + Tịch thu tiêu hủy 01 cân điện tử màu bạc, 01 lưỡi dao lam, 01 bật lửa màu đỏ; 01 chiếc giày màu hồng trắng bên trái, 01 cân tiểu ly bằng gỗ tự chế cùng toàn bộ số ma túy còn lại sau giám định đã được niêm phong trong 03 phong bì;

- + Tịch thu hóa giá nộp ngân sách nhà nước một điện thoại nhãn hiệu OPPO A37 màu đen cùng số tiền 200.000 đồng;

- + Trả cho các bị cáo Vì Văn S1, bị cáo Nguyễn Trung H thẻ căn cước công dân của các bị cáo;

- + Trả cho bị cáo Giàng Thị S một điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F7 màu xanh than;

- + Trả chiếc điện thoại nhãn hiệu NOKIA màu đen cho bị cáo Vì Văn S1.

Các bị cáo phải nộp án phí Hình sự sơ thẩm.

Người bào chữa cho các bị cáo nhất trí với nội dung, quyết định truy tố trong bản Cáo trạng, không có ý kiến tranh luận về tội danh, Điều luật và Bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xử lý vật chứng, miễn hình phạt bổ sung. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các bị cáo sinh sống ở nơi có điều kiện kinh tế văn hóa, xã hội khó khăn, bản thân các bị cáo đều có trình độ học vấn thấp nên phần nào hạn chế về nhận thức; hành vi phạm tội của các bị cáo đã bị phát hiện thu giữ ngay số ma túy (duy chỉ có bị cáo H bán được 01 gói) nên hậu quả nguy hiểm cho do hành vi phạm tội của các bị cáo đối với xã hội là

thấp. Vì vậy đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; đề nghị áp dụng thêm Điều 54 Bộ luật Hình sự cho bị cáo Nguyễn Trung H được hưởng mức dưới khung hình phạt vì điều luật không quy định có nhân thân xấu không được áp dụng; đối với bị cáo Vì Văn S1 đề nghị xử phạt dưới mức hình phạt đại diện Viện kiểm sát đề nghị vì bị cáo S1 chỉ giữ vai trò giúp sức và chỉ nhằm mục đích được trả công 01 gói Heroine nhỏ; Các bị cáo sinh sống ở nơi có điều kiện kinh tế văn hóa xã hội khó khăn theo Quyết định 612/QĐ-UBND, ngày 16/9/2021 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban dân tộc đề nghị miễn án phí Hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát đối đáp: người bào chữa đồng nhất quan điểm áp dụng tình tiết giảm nhẹ, xử lý về vật chứng, tội danh, điều luật áp dụng, chỉ đề nghị áp dụng thêm cho bị cáo H Điều 54 xử phạt dưới khung; đề nghị xử phạt bị cáo S1 thấp hơn đề nghị của Viện kiểm sát; đề nghị miễn án phí cho các bị cáo: Điều 54 là quy định tùy nghi, bản thân bị cáo H có nhân thân xấu; bị cáo S1 có tình tiết tăng nặng và khối lượng ma túy bị cáo phạm tội gần khởi điểm chuyển khung hình phạt; án phí căn cứ quy định pháp luật. Do đó Viện kiểm sát đề nghị mức hình phạt đối với các bị cáo là phù hợp nên không chấp nhận đề nghị của người bào chữa, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

Các bị cáo đồng ý với quan điểm bào chữa và không tự bào chữa thêm vấn đề gì. Lời nói sau cùng các bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để các bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng:

Trong quá trình điều tra, truy tố Cơ quan điều tra, các Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, các bị cáo, người bào chữa không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về thủ tục tố tụng:

Người làm chứng đã được triệu tập nhưng vắng mặt, xét thấy người làm chứng đã có lời khai, sự vắng mặt này không ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án. Sau khi nghe ý kiến của Viện kiểm sát, người bào chữa cho các bị cáo và các bị cáo, Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục xét xử vụ án theo Điều 293 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Tại phiên tòa các bị cáo đều thừa nhận đã thực hiện hành vi như cáo trạng, luận tội của Viện kiểm sát đã quy kết. Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa

phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người làm chứng; phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản khám xét, vật chứng thu giữ, các Kết luận giám định và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận: Sau khi mua được hai gói Heroine của một người đàn ông dân Dao không biết tên, tuổi, địa chỉ, bị cáo Giàng Thị S mang về nhà dùng cân: 01 gói là 1 cây, 01 gói là 1,5 cây (cân tiểu ly) (S1 không cho ai biết) cất giấu vào trong chiếc giày màu hồng trắng để sau bình ga dưới bếp. Trưa ngày 13/6/2022, tại nhà Giàng Thị S ở bản N, xã P, huyện T, tỉnh Lai Châu S đã bán 01 gói Heroine 1,5 cây với giá 28.000.000 đồng cho Giàng A P; còn 01 gói một cây Heroine có khối lượng 39,54 gam S vẫn để trong giày sau bình ga dưới bếp mục đích để trả công cho thầy cúng khi gia đình làm lý thì bị thu giữ. Đối với Giàng A P, sau khi mua được gói Heroin của S, P đi về nhà Giàng Thị C đưa cho Nguyễn Trung H để hưởng lợi số tiền là 1.200.000 đồng. Nguyễn Trung H nhận gói Heroine mang về cất giấu và chia nhỏ nhằm mục đích bán lẻ. Khoảng 14 giờ ngày 15/6/2022, tại nhà H ở thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu, bị cáo Nguyễn Trung H đã bán 01 gói cho Lù Văn H với giá 200.000 đồng và khi thấy Vì Văn S1 đến nhà, H đã nhờ S1 chia nhỏ một gói Heroine ra thành nhiều gói nhỏ. Bị cáo Vì Văn S1 đang chia nhỏ gói Heroine thì bị Cơ quan điều tra phát hiện bắt quả tang thu giữ tại chỗ S1 đang ngồi là 63 gói Heroine có khối lượng 4,11 gam; đồng thời thu giữ được của H 96 gói Heroine có khối lượng 38,48 gam và 03 gói Thuốc phiện có khối lượng 47,14 gam. H thừa nhận toàn bộ số Heroine thu của H và của S1 có tổng khối lượng 42,59 gam có nguồn gốc là của H đưa tiền cho P mua. Mục đích H cất giấu ma túy trên là bán lẻ.

Hành vi cất giấu 39,54 gam Heroine nhằm mục đích trả công, đồng thời trực tiếp bán 42,59 gam Heroine cho bị cáo Giàng A P của bị cáo Giàng Thị S với giá 28.000.000 đồng; Hành vi nhận 42,59 gam Heroine và trực tiếp trao đổi cho bị cáo Nguyễn Trung H nhằm thu lợi số tiền 1.200.000 đồng của bị cáo Giàng A P; tiếp đó bị cáo Nguyễn Trung H sau khi nhận được Heroine đã thực hiện hành vi chia nhỏ nhằm mục đích bán và đã trực tiếp bán cho một đối tượng thu được số tiền 200.000 đồng, đồng thời bị cáo H còn cất giấu 47,17 gam Thuốc phiện nhằm mục đích bán lẻ; bị cáo Vì Văn S1 biết rõ bị cáo H nhờ chia gói Heroine ra để bán lẻ và bị cáo đã tiếp nhận mục đích thực hiện hành vi chia được 63 gói có khối lượng 4,11 gam Heroine. Do đó các hành vi nêu trên của các bị cáo đều là hành vi mua bán trái phép chất ma túy.

Hành vi mua bán trái phép chất ma túy là hành vi nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chính sách quản lý độc quyền của Nhà nước về các chất ma túy. Bản thân các bị cáo khi thực hiện hành vi đều đã đủ tuổi, đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự; các bị cáo đều biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích tư lợi vẫn cố ý thực hiện. Như vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "*Mua bán trái phép chất ma túy*".

Bị cáo Giàng Thị S mua bán trái phép chất ma túy với khối lượng 82,13 gam Heroine, bị cáo Giàng A P mua bán trái phép chất ma túy với khối lượng 42,59 gam Heroine nên cả hai bị cáo S và P đều thuộc tình tiết định khung theo điểm b khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự;

Bị cáo Nguyễn Trung H mua bán trái phép chất ma túy với khối lượng 42,59 gam Heroine và 47,14 gam Thuốc phiện. Căn cứ khoản 4 Điều 5 Nghị định 19/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định về việc tính tổng khối lượng hoặc thể tích chất ma túy tại một số điều của Bộ luật Hình sự năm 2015, thì tổng tỷ lệ phần trăm khối lượng 42,59 gam Heroine và 47,14 gam thuốc phiện của bị cáo H là 43,4% so với mức tối thiểu tại khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự nên thuộc tình tiết định khung điểm b khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự;

Bị cáo Vì Văn S1 mua bán trái phép 4,11 gam Heroine thuộc khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Vì vậy, Bản cáo trạng của Viện kiểm sát đã viện dẫn điều luật và truy tố các bị cáo là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật cần chấp nhận. Cụ thể điều luật quy định:

“Khoản 1: Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm;.....

Khoản 3: Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 15 năm đến 20 năm:

... b, Heroine... có khối lượng từ 30 gam đến dưới 100 gam”

... h, Có hai chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng hoặc thể tích của các chất đó tương đương với khối lượng hoặc thể tích chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm a đến điểm g khoản này”

[3] Xét tính chất vụ án là rất nghiêm trọng, ma túy là loại độc dược không những hủy hoại cho sức khỏe của người sử dụng, mà còn gây tác hại nhiều mặt trong đời sống xã hội và là một trong những nguyên nhân làm phát sinh các loại tội phạm. Vì vậy, cần xử lý nghiêm các bị cáo trước pháp luật, đảm bảo đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm.

[4] Xét vai trò, tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về vai trò của các bị cáo: Vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn giữa hành vi phạm tội mua bán trái phép chất ma túy của bị cáo Vì Văn S1 với bị cáo Nguyễn Trung H về khối lượng 4,11 gam Heroine; nhưng bị cáo H chịu trách nhiệm hình sự đối với tổng khối lượng ma túy của bị cáo và của bị cáo S1 nên hai bị cáo chịu trách nhiệm hình sự định khung độc lập; bị cáo H, bị cáo S, bị cáo P phạm tội cùng khung hình phạt, cùng nguồn gốc số ma túy nhưng hành vi phạm tội của các bị cáo thực hiện độc lập nên phải chịu trách nhiệm độc lập về hành phạm tội của mình đã thực hiện.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Giàng Thị S, bị cáo Giàng A P, Nguyễn Trung H không có tình tiết tăng nặng. Bị cáo P và bị cáo H đều có nhân thân xấu đã từng bị kết án cũng loại tội phạm về ma túy nên cần xem xét quyết định hình phạt đối với các bị cáo. Bị cáo Vì Văn S1 đã bị kết án, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên phải chịu

tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*tái phạm*” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Giàng Thị S, Giàng A P, Vi Văn S1 đều là người dân tộc thiểu số, trình độ học vấn thấp nên có những hạn chế trong nhận thức pháp luật, vì vậy cần áp dụng thêm cho các bị cáo theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Nguyễn Trung H có bố và mẹ được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhì đây là tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo H, trong quá trình điều tra bị cáo không những thành khẩn khai báo để sớm kết thúc vụ án mà còn tích cực cung cấp thông tin quan trọng giúp đỡ Cơ quan điều tra bắt giữ các đối tượng trong nhiều vụ án khác để đưa ra truy tố trước pháp luật (*theo công văn đề nghị số 392/CV-CSĐT, ngày 31/10/2022 của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Lai Châu*). Vì vậy, Cơ quan điều tra đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, công văn đề nghị này được coi là tình tiết “*người phạm tội tích cực hợp tác với cơ quan điều tra có trách nhiệm phát hiện tội phạm và trong quá trình giải quyết vụ án*” được quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự nên cần áp dụng cho bị cáo.

Do vậy đề nghị áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của Viện kiểm sát và người bào chữa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Bị cáo Nguyễn Trung H có hai tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, lẽ ra được áp dụng dưới khung, nhưng bản thân bị cáo đã từng bị kết án về tội mua bán trái phép chất ma túy, bị cáo trong thời gian đi chấp hành án đã được tuyên truyền, giáo dục, học tập các quy định của pháp luật về loại tội phạm ma túy, thế nhưng bị cáo về địa phương không tu dưỡng bản thân tiếp tục phạm tội; không nhưng bản thân bị cáo phạm tội mà bị cáo còn đưa bị cáo S1 cùng phạm tội, chứng tỏ bị cáo có ý thức coi thường pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự như đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp.

[5] Hình phạt: Căn cứ vào tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử cần ấn định cho các bị cáo mức hình phạt trong khung đã truy tố và cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian đủ tác dụng giáo dục cải tạo các bị cáo và răn đe phòng ngừa chung. Vì vậy đề nghị của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử cần chấp nhận, riêng bị cáo Vi Văn S1, mặc dù khối lượng ma túy tương đối lớn trong khung nhưng như người bào chữa nhận định bị cáo có vai trò giúp sức, và ý thức của bị cáo không trực tiếp nhằm bán lẻ kiếm lời nên Hội đồng xét xử áp dụng mức hình phạt thấp hơn đề nghị của Viện kiểm sát.

[6] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo đều làm ruộng, không có thu nhập ổn định, không có tài sản, khó đảm bảo cho công tác thi hành án nên đề nghị của Viện kiểm sát và người bào chữa có căn cứ, Hội đồng xét xử không áp dụng

hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

[7]. Về xử lý vật chứng: Số ma túy thu giữ của các bị cáo còn lại sau giám định đã được niêm phong và hai chiếc cân tiêu ly, dao lam, bật lửa là vật Nhà nước cấm lưu hành và là công cụ phương tiện dùng vào việc phạm tội không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

Số tiền 200.000 đồng và một điện thoại thu giữ của bị cáo Giàng A P là tiền do phạm tội mà có và là công cụ phương tiện liên quan đến hành vi phạm tội còn giá trị sử dụng cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

Căn cước công dân thu giữ của bị cáo Vi Văn S1, bị cáo Nguyễn Trung H, điện thoại thu giữ của bị cáo S1 và một điện thoại thu giữ của bị cáo Giàng Thị S là tài sản cá nhân không liên quan đến hành vi phạm tội cần trả lại cho các bị cáo.

Đối với số tiền do phạm tội mà có là 28.000.000 đồng của bị cáo Giàng Thị S; số tiền 1.200.000 đồng của bị cáo Giàng A P, nhưng số tiền này bị cáo S, bị cáo P đã chi tiêu hết. Xét thấy các bị cáo không có tài sản, không có thu nhập ổn định khó đảm bảo cho thi hành án nên không truy thu số tiền này. Chiếc điện thoại bị cáo H liên lạc với bị cáo P để trao đổi mua bán ma túy, trong quá trình điều tra không thu được, hiện bị cáo không biết ở đâu, do vậy không đề cập xử lý chiếc điện thoại này.

[8]. Về các vấn đề khác:

Theo bị cáo Nguyễn Trung H khai nguồn gốc 47,14 gam Thuốc phiện của H mua của bị cáo Giàng A P, nhưng qua đối chất P không thừa nhận. Ngoài lời khai duy nhất của H không còn tài liệu, chứng cứ khác. Do đó, Cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý trách nhiệm hình sự đối với P về khối lượng Thuốc phiện trên, cũng như không có cơ sở để làm rõ nguồn gốc số Thuốc phiện nêu trên của H là có căn cứ.

Đối với người đàn ông dân tộc Dao khoảng 50 tuổi mà bị cáo Giàng Thị S khai nhận là người bán Heroine cho S. Do S không biết nhân thân, lai lịch, địa chỉ cụ thể của người này; ngoài lời khai của S không có tài liệu nào khác nên Cơ quan điều tra không xác minh, điều tra được là có căn cứ.

Đối với Lù Văn H, người đã mua 01 gói Heroine của H do H đã sử dụng hết Heroine tại nhà H, cơ quan điều tra đã Quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức cảnh cáo đối với Lù Văn H là phù hợp.

Về hành vi tự ý sử dụng trái phép chất ma túy của Lù Văn H và Vi Văn S1 tại nhà của bị cáo Nguyễn Trung H, nhưng H không biết. Do đó, không có căn cứ để xử lý Nguyễn Trung H “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy” quy định tại Điều 256 Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

Ngoài ra bị cáo P và bị cáo H còn khai nhận có quá trình trao đổi mua bán Heroine giữa H và P ngày 13/6/2022 tại nhà Giàng Thị C, nhưng gia đình

C không có ai biết nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý C trong là có căn cứ.

Về án phí: căn cứ Quyết định 612/QĐ-UBND, ngày 16/9/2021 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban dân tộc phê duyệt danh sách các thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 các bị cáo không thuộc thôn, xã đặc biệt khó khăn nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, do vậy không chấp nhận đề nghị miễn án phí của người bào chữa;

Các bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Tuyên bố các bị cáo Giàng Thị S, Giàng A P, Nguyễn Trung H, Vì Văn S1 phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

2. Về hình phạt:

Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Giàng Thị S 17 (Mười bảy) năm tù; Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 16/6/2022.

Áp dụng điểm h khoản 3 Điều 251; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Trung H 15 (Mười lăm) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam, ngày 15/6/2022.

Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Giàng A P 15 (Mười lăm) năm 06 (sáu) tháng tù; Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 16/6/2022.

Áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điểm h khoản 2 Điều 52; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Vì Văn S1 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 15/6/2022.

Áp dụng Điều 329 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tiếp tục tạm giam các bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Áp dụng khoản 5 Điều 251 miễn hình phạt bổ sung (phạt tiền) cho các bị cáo Giàng Thị S, Giàng A P, Nguyễn Trung H, Vì Văn S1.

3. Xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 46; khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy:

+ Một phong bì niêm phong ghi: Vật chứng còn lại vụ án Nguyễn trung H cùng đồng phạm Mua bán trái phép chất ma túy, theo hồ sơ bên trong là 2,45 gam Heroine còn lại sau giám định.

+ Một phong bì niêm phong ghi: Vật chứng còn lại vụ án Nguyễn Trung H, theo hồ sơ bên trong là 32,4g Heroine và 18,94 gam Thuốc phiện còn lại sau giám định.

+ Một phong bì niêm phong ghi: Vật chứng còn lại vụ án Giàng Thị S, cùng đồng phạm, theo hồ sơ bên trong là 37,75 gam Heroine còn lại sau giám định.

+ Một cân điện tử màu bạc.

+ Một lưỡi dao lam đã qua sử dụng.

+ Một bật lửa ga màu đỏ đã qua sử dụng.

+ Một chiếc giày bên trái có màu hồng, trắng.

+ Một chiếc cân tiểu ly bằng gỗ tự chế.

-Tịch thu nộp ngân sách nhà nước:

+ Số tiền 200.000 đồng;

+ Một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A37 màu đen, Số IMEI: 865063055323796 (thu của P)

- Trả cho bị cáo Nguyễn Trung H một thẻ căn cước công dân mang tên Nguyễn Trung H số 012071000634;

- Trả cho bị cáo Vì Văn S1 một thẻ căn cước công dân mang tên Vì Văn S1 số 012084003152 và một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, Số IMEI: 356943091754904.

- Trả cho bị cáo Giàng Thị S một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F7 màu Xanh than, Số IMEI 1: 860665042401173, Số IMEI 2: 860665042401165.

(Các vật chứng theo Biên bản giao, nhận vật chứng giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lai Châu và Cục thi hành án dân sự tỉnh Lai Châu lập hồi 08 giờ 30 phút ngày 04 tháng 11 năm 2022).

4. Về án phí:

Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Các bị cáo Giàng Thị S, Giàng A P, Nguyễn Trung H, Vì Văn S1, mỗi bị cáo có nghĩa vụ nộp 200.000đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Căn cứ các Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự các bị cáo Giàng Thị S, Giàng A P, Nguyễn Trung H, Vì Văn S1 có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Hà Nội;
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lai Châu;
- Sở Tư pháp tỉnh Lai Châu;
- Cục THADS tỉnh Lai Châu;
- Công an tỉnh Lai Châu;
- Trại tạm giam C.A tỉnh;
- Bị cáo; Người bào chữa;
- Lưu HSVA.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Hà